

Số 189/QĐ-DBĐHDTTW

Phủ Thọ, ngày 26 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh
hoàn thành chương trình dự bị đại học vào Trường Đại học Thương mại**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Văn bản hợp nhất số: 14/VBHN-BGDĐT ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số: 44/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số: 22/DBĐHDTTW-KHTC, ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương về việc đăng ký chỉ tiêu xét chuyển đối tượng học sinh thuộc diện chính sách theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT vào đại học năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số: 309/CV-ĐHTM ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Trường Đại học Thương mại, về việc tiếp nhận các học sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, kỳ tuyển sinh đại học năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tư vấn xét chuyển học sinh ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc xét chuyển học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2023 – 2024 tại các cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chuyển 58 học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2023 – 2024 tại trường Đại học Thương mại, (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh có trách nhiệm theo dõi kết quả trúng tuyển do cơ sở giáo dục đại học quyết định, thực hiện các thủ tục xét tuyển theo hướng dẫn của cơ sở giáo dục đại học và thanh toán hết các khoản công nợ đối với Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Bồi dưỡng - Quản lý chất lượng, Trưởng Phòng Kế hoạch – Tài chính, trưởng các đơn vị có liên quan và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTC.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Tuấn Anh

ỦY BAN DÂN TỘC
TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

DANH SÁCH XÉT CHUYỂN HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC TIẾP TỤC THEO HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI, NĂM HỌC 2022 -2023

(Kèm theo Quyết định số: 189 /QĐ-DBĐHDTTƯ, ngày 16 tháng 6 năm 2023)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Dự kiến ngành xét chuyển	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TB các môn bồi dưỡng theo THXT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành
1	Dương Thị Hồng Nhung	Nữ	09/02/2004	Tày	K48A01	020304001941	0376052704	8.7	9	7.8	8.5	Tốt	Kinh doanh quốc tế	TM11
2	Nguyễn Tuấn Phong	Nam	01/11/2004	Nùng	K48A01	020204001021	0849856018	8.5	8.1	7.4	8	Khá	Quản trị khách sạn	TM24
3	Lý Thị Thuý	Nữ	09/02/2004	Dao	K48A01	015304009355	0355651530	8	8.5	6.5	7.7	Tốt	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh TM)	TM18
4	Hoàng Đức Mạnh	Nam	30/05/2004	Tày	K48A01	004204002745	0357452556	7.7	7.5	7.2	7.5	Tốt	Hệ thống thông tin QL (QT hệ thống thông tin)	TM22
5	Nông Thị Thanh Thảo	Nữ	26/10/2004	Nùng	K48A01	020304001150 7	0867625808	7.3	7.8	6.5	7.2	Tốt	Kinh tế số (PT kinh doanh trong môi trường số)	TM33
6	Nông Thuý Dương	Nữ	17/09/2004	Tày	K48A01	004304000397	0978596392	7.4	6.9	7.1	7.1	Tốt	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	TM07
7	Đinh Anh Tú	Nam	21/08/2004	Tày	K48A01	020204008667	0359177458	7.6	6.7	6.7	7	Tốt	Hệ thống thông tin QL (QT hệ thống thông tin)	TM22



Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Dự kiến ngành xét chuyển	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THXT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành
8	Đỗ Huyền Trang	Nữ	08/01/2004	Tày	K48A5	008304002960	0343 710 008	9.1	8.9	8.7	8.9	Tốt	Luật kinh tế	TM19
9	Mã Anh Thư	Nữ	25/10/2004	Nùng	K48A1	004304000057	0834 256 202	8.7	9.2	8.4	8.8	Tốt	Thương mại điện tử	TM17
10	Hoàng Đức Tùng	Nam	27/02/2004	Nùng	K48A6	006204004242	0375 551 282	8.4	9.1	8.2	8.6	Tốt	Marketing số	TM28
11	Xin Thị Thủy Dung	Nữ	07/05/2004	Pà thên	K48A3	002304006970	0359 122 546	8.7	8.9	7.9	8.5	Tốt	Ngôn ngữ TQ (Tiếng Trung thương mại)	TM21
12	Chu Thị Thu Thủy	Nữ	20/01/2004	Tày	K48A3	004304000908	0357 042 623	8.6	8.8	8	8.5	Tốt	Luật kinh tế (Luật TM QT)	TM29
13	Đinh Mỹ Liên	Nữ	01/01/2004	Tày	K48A2	004304002883	0966 267 050	8.2	9	8.2	8.5	Tốt	Kinh tế (Quản lý kinh tế)	TM13
14	Vi Thảo Nhung	Nữ	09/08/2004	Tày	K48A4	024304008699	0862 915 208	9	8.4	7.9	8.4	Tốt	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	TM07
15	Hoàng Trung Hậu	Nam	03/09/2004	Tày	K48A5	020204001936	0853 713 066	8.6	8.5	8.2	8.4	Tốt	Luật kinh tế (Luật TM QT)	TM29
16	Nguyễn Sầm Duy Khánh	Nam	30/04/2004	Tày	K48A5	004204004370	0889 169 960	8.5	8.6	8.1	8.4	Tốt	Luật kinh tế	TM19
17	Phạm Trường Sơn	Nam	25/08/2004	Tày	K48A4	024204015025	0868 129 430	8.3	8.8	8	8.4	Tốt	Marketing (Quản trị thương hiệu)	TM05
18	Điền Thị Thanh Hương	Nữ	03/02/2004	Thái	K48A2	012304001465	0332 054 621	8.6	8.8	7.7	8.4	Tốt	Tài chính ngân hàng (Tài chính ngân hàng)	TM14



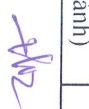
Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Dự kiến ngành xét chuyển	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THPT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành
19	Hoàng Thủy Tiên	Nữ	21/02/2004	Tày	K48A5	004304000304	0974 792 863	8	8.7	8	8.2	Tốt	Kế toán (Kế toán công)	TM09
20	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	23/06/2004	Nùng	K48A3	019304006383	0338 205 602	8.5	8.6	7.4	8.2	Tốt	QT hệ thống thông tin - Chương trình định hướng NN	TM26
21	Đặng Thanh Tùng	Nam	24/05/2004	Dao	K48A2	025204001995	0359 871 263	8.4	8.2	7.5	8	Tốt	Kiểm toán	TM10
22	Hà Thị Hương Trà	Nữ	11/08/2004	Tày	K48A5	004304000982	0855 208 399	7.7	8.6	7.7	8	Tốt	Quản trị nhân lực	TM23
23	Trần Đại Hiệp	Nam	20/09/2003	Mường	K48A6	025203009030	0868 981 549	8.2	7.7	7.6	7.8	Tốt	Hệ thống thông tin QL (QT hệ thống thông tin)	TM22
24	Trần Hoàng Trà My	Nữ	21/07/2004	Tày	K48A5	020304000460	087 949 8204	7.9	8.3	7.3	7.8	Tốt	Kiểm toán	TM10
25	Nông Minh Thủy	Nữ	03/02/2004	Tày	K48A1	004304000986	0365 728 226	8.2	8.1	6.7	7.7	Tốt	QT DV DL và Lữ hành (QT DV DL và Lữ hành)	TM32
26	Nguyễn Đức Huy	Nam	11/07/2004	Tày	K48A5	020204000527	0912 556 966	7.3	7.2	7	7.2	Tốt	Luật kinh tế	TM19
27	Đinh Thu Hương	Nữ	05/05/20004	Tày	K48A6	020304001884	0982 363 766	6.2	6.7	6.4	6.4	Tốt	Tài chính ngân hàng (Tài chính công)	TM16
28	Hoàng Phúc Tấn	Nam	29/10/2004	Tày	K48D2	004204004177	0865413911	9.1	8.5	8.8	8.8	Tốt	Logictis và quản lý chuỗi cung ứng	TM06

Handwritten signature

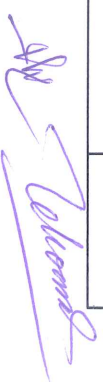
Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Dự kiến ngành xét chuyển	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TB các môn bồi dưỡng theo THPT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành
29	Sôi Thị Phương Thảo	Nữ	28/08/2004	Thái	K48D3	014304001625	0399436567	9.0	8.3	9.0	8.8	Tốt	Kiểm toán	TM10
30	Triệu Thị Tuyết Mai	Nữ	24/11/2004	Dao	K48D6	001304039427	036997237	8.9	9.1	8.2	8.7	Tốt	Quản trị kinh doanh	TM01
31	Nông Huyền Trang	Nữ	06/12/2004	Tày	K48D5	020304000681	0362501270	8.9	8.4	8.1	8.5	Tốt	Marketing thương mại	TM04
32	Lò Thị Hòa	Nữ	30/09/2004	Thái	K48D2	011304000863	0379604146	8.6	8.7	8.1	8.5	Tốt	Kinh tế quốc tế	TM12
33	Hoàng Ánh Ngọc	Nữ	03/10/2004	Tày	K48D3	006304004982	0394714478	8.4	8.6	8.4	8.5	Tốt	Kinh tế (Quản lý kinh tế)	TM13
34	Lâm Thị Kim Hoàn	Nữ	15/01/2004	San Chí	K48D5	024304011363	0397789463	9.0	8.6	7.2	8.3	Tốt	Kinh tế số	TM33
35	Vì Tuấn Minh	Nam	28/02/2004	Thái	K48D6	041204001659	0374916724	8.9	7.8	8.2	8.3	Tốt	Tài chính ngân hàng (Tài chính ngân hàng)	TM14
36	Vì Hoàng Thủy Tiên	Nữ	08/12/2004	Tày	K48D5	020304000544	0379213527	8.1	8.4	8.1	8.2	Tốt	QT hệ thống thông tin - Chương trình định hướng NN	TM26
37	Hà Trang Ly	Nữ	27/02/2004	Tày	K48D6	004304004861	0793285399	8.0	8.6	7.9	8.2	Tốt	Quản trị kinh doanh (Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh)	TM03

Handwritten signature

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Dự kiến ngành xét chuyển	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THXT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành
38	Đinh Công Quốc	Nam	02/11/2004	Mường	K48D2	025204003872	0363257958	8.2	8.3	8.0	8.2	Tốt	QT hệ thống thông tin - Chương trình định hướng NN	TM26
39	Tô Thị Thanh Mơ	Nữ	07/02/2004	Tày	K48D4	004304003532	0904001863	8.5	8.1	7.8	8.1	Tốt	Nguồn ngữ Anh (Tiếng Anh TM)	TM18
40	Nguyễn Lương Văn	Nam	26/11/2004	Tày	K48D4	008204008870	0368386820	8.3	7.5	8.4	8.1	Tốt	Tài chính ngân hàng (Tài chính công)	TM16
41	Lý Đức Cương	Nam	01/04/2004	Sán Dìu	K48D5	024204013638	0332836040	8.6	7.9	7.6	8.0	Tốt	QT khách sạn (QT khách sạn)	TM31
42	Triệu Thị Liễu	Nữ	23/08/2002	Tày	K48D6	006302002085	0332392403	8.0	8.0	8.1	8.0	Tốt	Quản trị DVDL và LH (Quản trị DVDL và LH)- DHNN	TM25
43	Lý Thị Kim Bình	Nữ	02/10/2004	Dao	K48D2	008304000958	0989460326	8.4	8.3	7.4	8.0	Tốt	Tài chính ngân hàng (Tài chính công)	TM16
44	Trần Đăng Khoa	Nam	20/06/2004	Sán Dìu	K48D1	008204001466	0352422932	9.0	7.6	7.4	8.0	Tốt	QT khách sạn (QT khách sạn)	TM31
45	Phương Yến Nhi	Nữ	15/11/2004	Nùng	K48D3	008304000576	0334341323	8.2	8.4	7.3	8.0	Tốt	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	TM07
46	Hoàng Thị Hồng Huế	Nữ	01/10/2004	Tày	K48D5	085104503	0867411023	8.4	8.0	7.0	7.8	Tốt	QT khách sạn (QT khách sạn)	TM31
47	Hoàng Thị Minh Huyền	Nữ	03/08/2004	Tày	K48D4	082390990	0328470264	7.3	8.0	7.4	7.6	Tốt	QT DV DL và Lữ hành (QT DV DL và Lữ hành)	TM32




Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Dự kiến ngành xét chuyển	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THXT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành
48	Hà Thảo Vy	Nữ	09/02/2004	Tày	K48D4	004304000853	0702292970	8.5	7.4	6.8	7.6	Khá	Quản trị nhân lực	TM23
49	Hoàng Thị Như Quỳnh	Nữ	26/12/2004	Tày	K48D3	020304003904	0395608563	7.8	7.8	6.9	7.5	Tốt	Quản trị DVDL và LH (Quản trị DVDL và LH)- DHNN	TM25
50	Chu Thị Hợp	Nữ	20/05/2004	Tày	K48D1	004304000412	0816424883	7.7	7.4	6.9	7.3	Tốt	Tài chính ngân hàng (Tài chính ngân hàng)	TM14
51	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	05/05/2004	Mường	K48D2	001304010710	0389431964	8.4	7.3	6.3	7.3	Tốt	Quản trị nhân lực	TM23
52	Ma Thị Hiền	Nữ	14/04/2004	Tày	K48D6	008304002783	0377421285	7.3	8.2	6.4	7.3	Tốt	QT DV DL và Lữ hành (QT DV DL và Lữ hành)	TM32
53	Nông Phương Diệp	Nữ	23/11/2004	Nùng	K48D1	004304000098	0823180898	6.9	8.0	6.3	7.1	Tốt	Kinh tế số (PT kinh doanh trong môi trường số)	TM33
54	Phùng Thị Thùy Dương	Nữ	28/06/2004	Tày	K48D6	008304007045	0918362911	6.6	7.1	7.0	6.9	Tốt	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh TM)	TM18
55	Đàm Hiếu Ngân	Nữ	14/10/2004	Tày	K48D5	004304000967	0918801258	7.0	7.6	6.0	6.9	Tốt	Kinh tế (Quản lý kinh tế)	TM13
56	Lại Huy Hoàng	Nam	24/05/2004	Tày	K48D1	008204005896	0867775899	6.6	7.3	6.3	6.7	Tốt	Luật kinh tế (Luật TM QT)	TM29



Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học					Dự kiến ngành xét chuyển	
								TB Môn 1	TB Môn 2	TB Môn 3	Điểm TB các môn bồi dưỡng theo THPT	XLRL	Tên ngành	Mã ngành
57	Phan Thị Tố Uyên	Nữ	03/08/2004	Tày	K48D3	004304001592	0337559014	6.7	7.5	5.7	6.6	Tốt	Tài chính ngân hàng (Tài chính ngân hàng TM)	TM15
58	Nông Nguyễn Ngọc Hương	Nữ	29/06/2004	Tày	K48D4	004304006520	0888660296	6.9	5.8	7.1	6.6	Tốt	Quản trị khách sạn	TM24

Danh sách gồm 58 học sinh (A01: Toán - Lý - T. Anh; A: Toán - Lý - Hóa; D: Toán - Văn - T. Anh)./



Hiệu trưởng

TS. Nguyễn Tuấn Anh

Xác nhận dữ liệu của Phòng BDQLCL

Trưởng phòng

ThS. Lương Thị Hồng Khuyên

Người lập biểu

ThS. Lê Thị Hoàng